

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	08
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	09 - 23



050
ÔN
ỚP
IA T
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7

Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch
Ông Lê Khả Tuyên	Phó chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 07/03/2017)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Mai Thủy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Số: 18.109/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.663.196.431	94.966.849.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	81.500.356.052	65.878.471.231
1. Tiền	111		41.435.265.501	57.878.471.231
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.065.090.551	8.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.219.334.299	20.396.729.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	1.707.143.499	20.351.754.362
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	152.715.200	44.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		359.475.600	975.600
III. Hàng tồn kho	140	(4.5)	852.323.966	8.688.098.800
1. Hàng tồn kho	141		852.323.966	8.688.098.800
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		91.182.114	3.549.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			3.549.805
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.11)	91.182.114	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.227.926.176	83.769.215.603
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.808.750.000	15.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(4.4)	4.793.750.000	
2. Phải thu dài hạn khác	216		15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.414.254.867	1.539.412.539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.6)	1.414.254.867	1.539.412.539
Nguyên giá	222		2.767.958.687	2.959.995.353
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.353.703.820)	(1.420.582.814)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	(4.7)	7.757.923.619	7.826.780.273
Nguyên giá	231		7.979.619.120	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(221.695.501)	(152.838.847)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(4.2)	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		68.246.997.690	69.388.022.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.8)	68.246.997.690	69.388.022.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		171.891.122.607	178.736.065.401

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.114.708.012	48.943.903.006
I. Nợ ngắn hạn	310		34.014.708.012	47.248.006.818
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.9)	6.739.000.000	36.753.689.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.10)	18.000.000.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.11)	565.149.582	5.692.993.197
4. Phải trả người lao động	314	(4.12)	2.535.502.165	1.053.704.838
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.13)	734.437.644	600.209.908
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.14)	2.641.659.328	2.191.176.030
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.15)	950.000.000	950.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.848.959.293	6.233.051
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	1.695.896.188
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.14)	100.000.000	1.695.896.188
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.776.414.595	129.792.162.395
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.16.1)	137.776.414.595	129.792.162.395
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.16.2)	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	(4.16.5)	463.499.004	314.868.226
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(4.16.5)	9.934.910.044	434.910.044
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.378.005.547	15.042.384.125
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.433.337.905	179.306.370
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.944.667.642	14.863.077.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		171.891.122.607	178.736.065.401

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,

Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(4.17)	382.816.899.343	378.271.963.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		382.816.899.343	378.271.963.183
4. Giá vốn hàng bán	11	(4.18)	361.084.954.577	356.141.015.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.731.944.766	22.130.947.929
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(4.19)	1.497.913.518	57.604.876
7. Chi phí tài chính	22	(4.20)	1.481.192.547	59.150.000
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		82.180.927	59.150.000
8. Chi phí bán hàng	25	(4.21)	2.253.257.941	2.621.585.873
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(4.22)	6.773.512.896	4.542.572.896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.721.894.900	14.965.244.036
11. Thu nhập khác	31		36.302.727	2.924.113.975
12. Chi phí khác	32		1	1.670.262.748
13. Lợi nhuận khác	40		36.302.726	1.253.851.227
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.758.197.626	16.219.095.263
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(4.24)	2.813.529.984	3.597.647.266
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.944.667.642	12.621.447.997
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.16.4)	872	989
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(4.16.4)	872	989

Phê Duyệt

Người lập



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.758.197.626	16.219.095.263
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		194.014.326	1.886.282.231
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.525.186.245)	(57.604.876)
Chi phí lãi vay	06	(4.20)	82.180.927	59.150.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.509.206.634	18.106.922.618
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.596.428.749	(951.986.066)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.835.774.834	10.887.032.676
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.657.940.137)	7.135.687.249
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.144.574.906	2.201.199.661
Tiền lãi vay đã trả	14		(75.055.927)	(49.400.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.541.961.083)	(4.484.156.699)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(117.689.200)	(16.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.693.338.776	32.828.799.439
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.946.465.200)	(750.663.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27.272.727	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.140.413.518	57.604.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.778.778.955)	(693.058.760)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.170.660.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.170.660.000)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(292.675.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(292.675.000)	
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		15.621.884.821	32.135.740.679
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.878.471.231	10.712.676.488
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		81.500.356.052	42.848.417.167
(70 = 50+60+61)				



Phê Duyệt

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Ngày 26 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899, Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 22 (31/12/2016: 20 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhân, bì nhân, bao bì từ giấy và bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	77.641.252	63.274.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.357.624.249	57.815.196.802
Các khoản tương đương tiền	40.065.090.551	8.000.000.000
Cộng	81.500.356.052	65.878.471.231

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng, lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017			DVT: Ngàn đồng Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Bao Bi	2.000.000	-	-	2.000.000	-	-
Hiệp Nguyên VINA	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-
Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-
Cộng	5.000.000	-	-	5.000.000	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH MTV thương mại Đức Thiện Thành	830.500.000	637.725.000
Công ty TNHH tư vấn và đầu tư ISC	463.551.699	19.935.516
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Hồng	209.619.300	-
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt	-	2.125.750.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Thúy Liên	-	1.913.175.000
Các khách hàng khác	203.472.500	15.655.168.846
Cộng	<u>1.707.143.499</u>	<u>20.351.754.362</u>

4.4. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước tiền thiết kế văn phòng	83.635.200	-
Trả trước tiền mua máy đóng gói cà phê	69.080.000	-
Khác	-	44.000.000
Cộng	<u>152.715.200</u>	<u>44.000.000</u>
Dài hạn:		
Trả trước tiền mua lô đất nền tại Lô số 8, KDC 6B Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	4.793.750.000	-
Cộng	<u>4.793.750.000</u>	<u>-</u>

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	29.768.000	-	3.718.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.792.400	-	221.432.400	-
Hàng hóa	663.763.566	-	8.462.948.400	-
Cộng	<u>852.323.966</u>	<u>-</u>	<u>8.688.098.800</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	2.774.088.834	185.906.519	2.959.995.353
Thanh lý, nhượng bán	(192.036.666)	-	(192.036.666)
Tại ngày 30/06/2017	2.582.052.168	185.906.519	2.767.958.687
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	1.271.235.551	149.347.263	1.420.582.814
Khấu hao trong kỳ	117.264.960	7.892.712	125.157.672
Thanh lý, nhượng bán	(192.036.666)	-	(192.036.666)
Tại ngày 30/06/2017	1.196.463.845	157.239.975	1.353.703.820
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	1.502.853.283	36.559.256	1.539.412.539
Tại ngày 30/06/2017	1.385.588.323	28.666.544	1.414.254.867

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.075.119.824 VND.

4.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Cộng	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	221.695.501	68.856.654	-	152.838.847
Cộng	221.695.501	68.856.654	-	152.838.847
Giá trị còn lại:				
Nhà	7.757.923.619			7.826.780.273
Cộng	7.757.923.619			7.826.780.273

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí thuê Cao ốc Số 83A Lý Thường Kiệt	67.928.060.379	68.977.148.709
Chi phí công cụ, dụng cụ	95.339.761	87.029.745
Chi phí khác	223.597.550	323.844.337
Cộng	68.246.997.690	69.388.022.791

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV thuốc lá Sài Gòn	6.324.560.000	6.324.560.000	36.093.803.020	36.093.803.020
Phải trả cho các đối tượng khác	414.440.000	414.440.000	659.886.774	659.886.774
Cộng	6.739.000.000	6.739.000.000	36.753.689.794	36.753.689.794

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản tiền ứng trước theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 01/2017/HĐTVP tại Cao ốc số 83A Lý Thường Kiệt - Hà Nội giữa Công ty với Công ty TNHH Phú Điện - Tranco.

(Xem tiếp trang sau)



17
V
NH
V
T
H



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT được khấu trừ VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	35.503.600.397	(35.412.418.283)	91.182.114
Cộng	-	35.503.600.397	(35.412.418.283)	91.182.114

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ thuế GTGT đầu vào VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	370.134.022	38.333.082.334	(3.290.798.073)	(35.412.418.283)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.265.791.953	2.813.529.984	(7.541.961.083)	-	537.360.854
Thuế thu nhập cá nhân	57.067.222	358.279.494	(387.557.988)	-	27.788.728
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	5.692.993.197	41.508.891.812	(11.224.317.144)	(35.412.418.283)	565.149.582

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động.

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	469.829.119	466.229.119
Trích trước tiền thuê kho, thuê văn phòng	243.000.000	-
Các khoản trích trước khác	21.608.525	133.980.789
Cộng	734.437.644	600.209.908

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.171.020.000	1.463.695.000
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ VPĐD tổ chức ChildFund Australia tại Việt Nam	655.915.920	-
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty TNHH tư vấn và đầu tư ISC	367.416.312	-
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty CP Maison Retail Management International	388.498.900	-
Phải trả các khoản hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường	-	141.790.000
Chiết khấu thanh toán	-	513.334.874
Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.808.196	72.356.156
Cộng	<u>2.641.659.328</u>	<u>2.191.176.030</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ VPĐD tổ chức ChildFund Australia tại Việt Nam	-	839.980.976
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty TNHH tư vấn và đầu tư ISC	-	367.416.312
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty CP Maison Retail Management International	-	388.498.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.000.000	100.000.000
Cộng	<u>100.000.000</u>	<u>1.695.896.188</u>

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		ĐTV: ngàn đồng Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân	950.000	950.000	3.170.660	(3.170.660)	950.000	950.000
Cộng	<u>950.000</u>	<u>950.000</u>	<u>3.170.660</u>	<u>(3.170.660)</u>	<u>950.000</u>	<u>950.000</u>

Vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân tín chấp có thời hạn 3 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất 9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	7.472.954.074	121.849.084.640
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	12.621.447.997	12.621.447.997
Chia cổ tức trong	-	-	-	(6.270.000.000)	(6.270.000.000)
Trích các quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	373.647.704	(373.647.704)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	114.000.000.000	314.868.226	434.910.044	12.800.754.367	127.550.532.637
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	2.241.629.758	2.241.629.758
Số dư tại ngày 01/01/2017	114.000.000.000	314.868.226	434.910.044	15.042.384.125	129.792.162.395
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	9.944.667.642	9.944.667.642
Trích các quỹ thuộc nguồn vốn	-	148.630.778	9.500.000.000	(9.648.630.778)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.960.415.442)	(1.960.415.442)
Số dư tại ngày 30/06/2017	114.000.000.000	463.499.004	9.934.910.044	13.378.005.547	137.776.414.595

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	17.100.000.000	-
Nguyễn Thành Khiêm	-	11.000.000.000
Cổ đông khác	96.900.000.000	103.000.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.944.667.642	12.621.447.997
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.343.501.360)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.944.667.642	11.277.946.637
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.400.000	11.400.000

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu
và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

872

989

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính sẽ trích cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	314.868.226	434.910.044
Trích trong kỳ	148.630.778	9.500.000.000
Chi trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2017	463.499.004	9.934.910.044

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	379.559.181.190	374.652.516.360
Doanh thu dịch vụ cho thuê	3.117.718.153	3.095.422.063
Doanh thu dịch vụ tư vấn	140.000.000	470.000.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	-	54.024.760
Cộng	<u>382.816.899.343</u>	<u>378.271.963.183</u>

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	358.481.990.096	352.223.287.837
Giá vốn dịch vụ cho thuê	2.491.914.481	3.601.877.037
Giá vốn dịch vụ tư vấn	111.050.000	295.655.500
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	-	20.194.880
Cộng	<u>361.084.954.577</u>	<u>356.141.015.254</u>

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.351.413.518	57.604.876
Cổ tức, lợi nhuận được chia	146.500.000	-
Cộng	<u>1.497.913.518</u>	<u>57.604.876</u>

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	82.180.927	59.150.000
Chiết khấu thanh toán	1.399.011.620	-
Cộng	<u>1.481.192.547</u>	<u>59.150.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	33.333.339	-
Chi phí nguyên vật liệu	-	741.818
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.500.000	-
Chi phí khấu hao	70.348.482	30.850.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.182.898.824	1.024.545.906
<i>Cước vận chuyển</i>	1.163.169.945	1.013.398.045
<i>Chi phí khác</i>	19.728.879	11.147.861
Chi phí bằng tiền khác	944.177.296	1.565.447.940
<i>Chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường</i>	499.082.296	347.861.050
<i>Chi phí sản phẩm mẫu</i>	422.670.000	1.182.994.390
<i>Chi phí khác</i>	22.425.000	34.592.500
Cộng	2.253.257.941	2.621.585.873

4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.757.474.718	2.822.126.784
Chi phí vật liệu quản lý	54.522.915	31.843.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.448.796	85.983.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.809.190	55.781.518
Thuế, phí và lệ phí	7.275.000	13.766.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.354.277	700.568.424
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	332.100.000	162.000.000
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	125.724.674	66.957.752
<i>Chi phí dịch vụ bảo vệ</i>	72.500.000	65.000.000
<i>Công tác phí</i>	101.344.048	108.461.894
<i>Chi phí khác</i>	154.685.555	298.148.778
Chi phí bằng tiền khác	1.055.628.000	832.503.270
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	326.500.000	120.000.000
<i>Chi phí tiếp khách</i>	316.123.519	195.397.907
<i>Chi phí khác</i>	413.004.481	517.105.363
Cộng	6.773.512.896	4.542.572.896

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.120.098.529	342.453.386.611
Chi phí nhân công	4.790.808.057	2.822.126.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.014.326	219.519.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.177.122.941	2.204.298.675
Chi phí bằng tiền khác	3.967.856.727	4.635.368.575
Cộng	<u>362.249.900.580</u>	<u>352.334.699.983</u>

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.813.529.984	3.597.647.266
Tổng chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	<u>2.813.529.984</u>	<u>3.597.647.266</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	12.758.197.626	16.219.095.263
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.309.452.296	1.769.141.069
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.067.649.922	17.988.236.332
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<u>2.813.529.984</u>	<u>3.597.647.266</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo hướng dẫn quyết toán năm 2016 (Luật thuế TNDN).

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu;
- Lĩnh vực dịch vụ cho thuê;
- Các lĩnh vực khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

	<u>Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>DVT: Triệu đồng Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Từ khách hàng bên ngoài	379.559	374.653	3.118	3.095	140	524	-	-	382.817	378.272
Cộng	379.559	374.653	3.118	3.095	140	524	-	-	382.817	378.272
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác	12.050	15.265	626	(506)	29	208	-	-	12.705	14.967
Thu nhập tài chính									1.498	57
Chi phí tài chính									(1.481)	(59)
Lợi nhuận khác									36	1.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(2.814)	(3.598)
Lợi nhuận sau thuế									9.944	12.621

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	<u>Lĩnh vực mua bán thuốc lá điều</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khấu hao trong kỳ	125	1.799	69	87	-	-	-	-	194	1.886

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt	704.992.484	436.074.438

4.27. Thu nhập của Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	24.900.000	12.000.000

4.28. Số liệu so sánh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	989	1.050

4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

4.30. Các thông tin khác

Kể từ ngày 01/04/2017, Công ty chính thức ngừng phân phối trực tiếp sản phẩm thuốc lá đầu lọc nhãn hiệu SAIGON Silver Demi Slim BC theo Thông báo số 262/TLSG-TTH ngày 30/03/2017 của Công ty Thuốc lá Sài Gòn.

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Cao Phước Thái Hòa
Trưởng phòng Kế toán - Tài chính